

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ
LIÊN TỈNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy phép thành lập số 2703001124 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 23/10/2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27 tháng 10 năm 2006. Vốn Điều lệ của Công ty là 37.500.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 3.750.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 17 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACAGroup) *Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.*

102
CG
CH
M T
T
U

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2010

103
NG
HIỆP
JAN
AI C
KUS

Số: 30/BCKT 2010 - 2

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 17. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (IFC-ACAGroup)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

3
1
H
V
H
N

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B01 -CTCK
ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140 +150)	100		47.281.631.575	9.311.745.283
I. Tiền	110	4.1	41.043.021.695	8.306.255.042
1. Tiền mặt tại quỹ	111		277.825.369	121.773.053
2. Tiền gửi ngân hàng	112		40.765.196.326	6.879.385.989
4. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	114		-	1.305.096.000
II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		5.955.049.819	742.200.000
1. Phải thu của khách hàng			-	296.600.000
2. Trả trước cho người bán	131		165.389.500	30.00.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.764.379.019	-
7. Phải thu khác	138	4.3	1.025.281.300	415.600.000
IV. Vật liệu, công cụ tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		283.560.061	263.290.241
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.4	283.560.061	263.290.241
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200		1.564.376.484	1.835.196.053
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.224.833.740	1.513.340.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	836.090.526	1.259.807.013
- Nguyên giá	222		1.712.411.707	1.712.411.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(876.321.181)	(452.604.694)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	388.743.214	253.533.750
- Nguyên giá	228		538.045.000	338.045.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.301.786)	(84.511.250)
III. Các khoản đầu tư Chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác	230		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	240		339.542.744	321.855.290
1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	4.7	261.703.522	172.198.840
2. Tài sản dài hạn khác	268	4.8	77.839.222	149.656.450
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		48.846.008.059	11.146.941.336



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B01 - CTCK
 ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		8.758.080.729	1.516.638.355
I. Nợ ngắn hạn	310		8.758.080.729	1.516.638.355
1. Phải trả người bán	312		36.973.786	19.238.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.9	219.837.795	20.069.169
4. Phải trả nhân viên	315		260.687.248	172.234.716
5. Phải trả tổ chức thanh toán chứng khoán	320		8.239.310.000	1.305.096.000
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		73.350	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		1.198.550	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420+ 430+440)	400	4.10	40.087.927.330	9.630.302.981
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		39.947.181.368	9.624.938.236
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	9.750.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		140.745.962	5.364.745
7. Quỹ Đầu tư phát triển	417		140.745.962	5.364.745
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		140.745.962	5.364.745
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.024.943.482	(141.155.999)
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		140.745.962	5.364.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		48.846.008.059	11.146.941.336



Đặng Thái Nguyên
 Tổng Giám đốc
 Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hà Nam
 Kế toán trưởng



CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B01 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
5. Nguồn vốn khấu hao	05		1.025.622.967	537.115.944
6. Chứng khoán lưu ký	06			
6.1 Chứng khoán GD khách hàng lưu ký	07		72.395.150.000	47.078.350.000
6.1.1 Chứng khoán GD của khách hàng trong nước	08		72.395.150.000	47.078.350.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			9.500.000	15.500.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng GD khách hàng trong nước	11		9.500.000	15.500.000



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B02 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu	01	4.11	7.324.192.282	3.784.021.042
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.707.818.415	2.454.735.835
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.2		41.735.366	533.683.000
- Doanh thu khác	01.9		2.574.638.501	795.602.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		7.324.192.282	3.784.021.042
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	4.12	3.092.281.774	676.362.935
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		4.231.910.508	3.107.658.107
6. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	25	4.13	1.320.486.181	3.334.617.561
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		2.911.424.327	(226.959.454)
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		296	32.471
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(296)	(32.471)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.911.424.031	(226.991.925)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.14	203.799.682	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.707.624.349	(226.991.925)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.146	(233)



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B03 - CTCK
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.911.424.031	(226.991.925)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		488.507.023	404.060.609
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2.528.666.834)	(789.768.873)
- Chi phí lãi vay	6		(45.971.667)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		825.292.553	(612.700.189)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(5.212.849.819)	(527.074.860)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp)	11		7.227.633.342	(2.615.742.673)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		71.817.228	99.794.680
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.971.667)	(5.833.334)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	413.590.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(253.793.485)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.612.128.152	(3.247.966.376)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(200.000.000)	(661.243.108)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.574.638.501	795.602.207
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.374.638.501	134.359.099
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		27.750.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.000.000.000	6.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.750.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		32.736.766.653	(3.113.607.277)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.306.255.042	11.419.862.319
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		41.043.021.695	8.306.255.042



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTCK

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy phép thành lập số 2703001124 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 23/10/2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27 tháng 10 năm 2006. Vốn Điều lệ của Công ty là 37.500.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 3.750.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3 - Số 117- Đường Quang Trung - TP Vinh - Nghệ An.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 18 người .

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty Chứng khoán được Quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/ TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ tài chính và các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được Đăng ký của Công ty là Kế toán máy.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3, Số 117, Đường Quang Trung

Thành phố Vinh, Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ một năm trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.3 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
Phần mềm máy tính	07

3.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.5 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Bảng Cân đối kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Bảng Cân đối kế toán. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3.6 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

3.7 Thuế

Thuế thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập Doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập Doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**4.1 Tiền**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	277.825.369	121.773.053
Tiền gửi Ngân hàng	40.765.196.326	8.184.481.989
Cộng	41.043.021.695	8.306.255.042

4.2 Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của người Đầu tư		
- Cổ phiếu	46.009.875	1.266.255.030.500
- Trái phiếu	5.500.000	568.994.300.000
Cộng	51.509.876	1.835.249.330.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.3 Phải thu khác**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền chi khen thưởng cho Cán bộ nhân viên	763.974.000	413.590.000
Phải thu khác	261.307.300	2.010.000
Cộng	1.025.281.300	415.600.000

4.4 Tài sản ngắn hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tạm ứng	283.560.061	263.290.241
Cộng	283.560.061	263.290.241

4.5 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2008	117.863.381	1.594.548.326	1.712.411.707
Số dư tại 31/12/2009	117.863.381	1.594.548.326	1.712.411.707
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 31/12/2008	39.287.793	413.316.901	452.604.694
Tăng trong năm	68.753.638	354.962.849	423.716.487
Khấu hao trong năm	68.753.638	354.962.849	423.716.487
Số dư tại 31/12/2009	108.041.431	768.279.750	876.321.181
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2008	78.575.588	1.181.231.425	1.259.807.013
Tại 31/12/2009	9.821.950	826.268.576	836.090.526

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 31/12/2008	338.045.000
Tăng trong năm <i>Mua trong năm</i>	200.000.000 200.000.000
Số dư tại 31/12/2009	<u>538.045.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 31/12/2008	84.511.250
Tăng trong năm <i>Khấu hao trong năm</i>	64.790.536 64.790.536
Số dư tại 31/12/2009	<u>149.301.786</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 31/12/2008	<u>253.533.750</u>
Tại 31/12/2009	<u>388.743.214</u>

4.7 Tiền nộp quỹ hộ trợ thanh toán

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Quỹ hộ trợ thanh toán	261.703.522	172.198.840
Cộng	<u>261.703.522</u>	<u>172.198.840</u>

4.8 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng giá trị lớn	77.839.222	149.656.450
Cộng	<u>77.839.222</u>	<u>149.656.450</u>

4.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	203.799.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.038.113	20.069.169
Cộng	<u>219.837.795</u>	<u>20.069.169</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu****BÁO CÁO KHOẢN MỤC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
I. Vốn góp ban đầu	37.500.000.000	9.750.000.000
Vốn góp cổ phần	37.500.000.000	9.750.000.000
Trong đó:		
- Số lượng cổ phiếu phát hành	3.750.000	975.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành	10.000	10.000
II. Vốn bổ sung	140.745.962	5.364.745
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	140.745.962	5.364.745
III. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	2.447.181.368	(125.061.764)
- Lợi nhuận chưa phân phối	2.024.943.482	(141.155.999)
- Quỹ dự phòng tài chính	140.745.962	5.364.745
- Quỹ đầu tư phát triển	140.745.962	5.364.745
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	140.745.962	5.364.745
Cộng	40.087.927.330	9.630.302.981

CHI TIẾT CỔ ĐỒNG GÓP VỐN

	31/12/2009 Số cổ phần	31/12/2009 Tỷ lệ %	31/12/2009 VND
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	10,67	4.000.000.000
Cá nhân			
Thái Thị Nga	400.000	10,67	4.000.000.000
Thái Hương	400.000	10,67	4.000.000.000
Đặng Thái Nguyên	400.000	10,67	4.000.000.000
Thái Doãn Sơn	400.000	10,67	4.000.000.000
Trương Thị Kim Như	400.000	10,67	4.000.000.000
Hồ Thị Vinh	400.000	10,67	4.000.000.000
Nguyễn Hà Nam	200.000	5,33	2.000.000.000
Nguyễn Trọng Trung	320.000	8,53	3.200.000.000
Thái Thị Lương	280.000	7,46	2.800.000.000
Thái Doãn Lộc	100.000	2,66	1.000.000.000
Trần Thanh Tùng	50.000	1,33	500.000.000
Cộng	3.750.000	100	37.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

	31/12/2009 Tỷ lệ %	Số CMTND/ Số ĐKKD	Địa chỉ
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	10,67	063629	Số 117 Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
Cá nhân			
Thái Thị Nga	10,67	182218203	Khối Tân Yên, P.Hung Bình, TP Vinh, Nghệ An
Thái Hương	10,67	186086406	102, Nguyễn Thị Minh Khai, TP Vinh, Nghệ An
Đặng Thái Nguyên	10,67	183025343	Thị Trấn Nghi Xuân, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Thái Doãn Sơn	10,67	182109112	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Trương Thị Kim Như	10,67	182018635	Khối 17, P.Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An
Hồ Thị Vinh	10,67	182020150	P303-A5 P.Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
Nguyễn Hà Nam	5,33	181628804	Khối 15, P.Hà Huy Tập, TP Vinh, Nghệ An
Nguyễn Trọng Trung	8,53	181519338	Khối Tân Yên, P.Hung Bình, TP Vinh, Nghệ An
Thái Thị Lương	7,46	161541592	Khối 14, P.Hung Phúc, TP Vinh, Nghệ An
Thái Doãn Lộc	2,66	182381981	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Cộng	98,67		

4.11 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu môi giới Chứng khoán cho nhà Đầu tư	4.707.818.415	2.454.735.835
Doanh thu đại lý phát hành	41.735.366	533.683.000
Doanh thu khác	2.574.638.501	795.602.207
Cộng	7.324.192.282	3.784.021.042

4.12 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí môi giới Chứng khoán cho nhà Đầu tư	3.092.281.774	676.362.935
Cộng	3.092.281.774	676.362.935

4.13 Chi phí quản lý Doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên	747.030.161	1.555.233.900
Chi phí vật liệu	33.184.100	317.670.918
Chi phí công cụ dụng cụ	34.513.350	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.552.701	404.060.609
Thuế, phí và lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.400.739	646.271.609
Chi phí bằng tiền khác	173.805.130	409.380.525
Cộng	1.320.486.181	3.334.617.561

4.14 Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.911.424.031	(226.991.925)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.911.424.031	(226.991.925)
Thuế suất áp dụng (*)	10%	0%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	291.142.403	-
Thuế TNDN (**)	87.342.721	-
Tổng cộng thuế thu nhập Doanh nghiệp	203.799.682	-

(*) Căn cứ vào Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với lĩnh vực Chứng khoán và nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

(**) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn giảm thuế thu nhập Doanh nghiệp cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty có đủ điều kiện để giảm 30% thuế thu nhập Doanh nghiệp năm 2009. Công ty đã tính toán và làm thủ tục với cơ quan thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập Doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5. BÊN LIÊN QUAN

Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Ngân hàng thương mại Cổ phần Bắc Á là cổ đông sáng lập với các nghiệp vụ chủ yếu sau:

	Giá trị giao dịch VND
Thuê văn phòng	480.000.000
Cộng	480.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆTTầng 3, Số 117, Đường Quang Trung
Thành phố Vinh, Nghệ An**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B09 - CTCK***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC****Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	2,52	16,46
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	97,48	83,54
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	18,00	13,61
<i>Nợ phải trả/Tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5,41	6,14
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5,41	6,14
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	4,69	5,48
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	39,75	(6,00)
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	5,58	(1,81)
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Điều lệ	%	7,22	(2,33)
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ</i>			

7. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

8. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACAGroup).

*

* *

